

QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa
văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đồng Nai**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân trong thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

2. Những nội dung liên quan đến công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Nghị định số 79/2025/NĐ-CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các Sở, ban, ngành.
- Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

- Đảm bảo tính kịp thời, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.
- Việc phối hợp phải được thực hiện thường xuyên, kịp thời và đảm bảo tính khách quan; tránh chồng chéo, trùng lặp nhiệm vụ trong quá trình phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị.
- Thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; phân định rõ trách nhiệm chủ trì, phối hợp trong từng hoạt động cụ thể.

4. Bảo đảm thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước đối với việc kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

Điều 4. Nội dung phối hợp

Nội dung phối hợp trong thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, xử lý và hệ thống hóa văn bản QPPL bao gồm:

1. Thực hiện công tác tự kiểm tra, xử lý văn bản QPPL, văn bản có dấu hiệu chứa QPPL nhưng không được ban hành đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản QPPL.

2. Thực hiện công tác kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; văn bản có dấu hiệu chứa QPPL; văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản QPPL đối với văn bản QPPL do chính quyền địa phương cấp xã ban hành.

3. Tổng rà soát văn bản QPPL; rà soát thường xuyên, ngay khi có căn cứ rà soát; rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn.

4. Lập, công bố Danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực định kỳ hàng năm; xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện kế hoạch hệ thống hóa văn bản QPPL định kỳ 05 năm một lần.

5. Thực hiện chế độ báo cáo đột xuất, báo cáo định kỳ hàng năm về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL.

6. Các nội dung phối hợp khác trong quá trình thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, xử lý và hệ thống hóa văn bản QPPL.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Gửi văn bản QPPL mới ban hành để thực hiện tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền.

2. Cung cấp thông tin, tài liệu hoặc trả lời bằng văn bản theo lĩnh vực chuyên môn khi được yêu cầu.

3. Tổ chức họp hoặc trao đổi trực tiếp, họp trực tuyến khi cần thiết để thống nhất nội dung phối hợp.

4. Trao đổi, phối hợp qua môi trường điện tử.

5. Các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 6. Gửi văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện kiểm tra

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm gửi văn bản QPPL của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố sau khi ban hành đến Sở Tư pháp.

2. Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã theo Kế hoạch kiểm tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc theo chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm gửi văn bản QPPL ngay sau khi ban hành đến Sở Tư pháp để thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền.

Điều 7. Thực hiện công tác tự kiểm tra văn bản

1. Tự kiểm tra văn bản QPPL sau khi ban hành

a) Sở Tư pháp là đầu mối chủ trì giúp Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện tự kiểm tra văn bản do Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

Các Sở, ban, ngành kịp thời cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết và phối hợp với Sở Tư pháp hoặc cơ quan được phân công thực hiện việc tự kiểm tra văn bản.

b) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã phân công các cơ quan chuyên môn hoặc công chức thực hiện tự kiểm tra văn bản.

c) Việc tự kiểm tra văn bản phải được thực hiện trong thời hạn 10 ngày; trường hợp văn bản được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ký ban hành hoặc thông qua.

d) Trình tự, thủ tục tự kiểm tra văn bản thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Kết quả tự kiểm tra văn bản phải được báo cáo thủ trưởng cơ quan, đơn vị được phân công kiểm tra.

Trường hợp phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, lập hồ sơ kiểm tra theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

2. Tự kiểm tra văn bản QPPL khi nhận được phản ánh, kiến nghị

a) Các Sở, ban, ngành chủ trì tham mưu ban hành văn bản QPPL của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm tự kiểm tra văn bản khi nhận được phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về văn

bản có dấu hiệu trái pháp luật; hướng dẫn cơ quan, tổ chức, công dân phản ánh, kiến nghị đến cơ quan đã ban hành văn bản hoặc cơ quan có thẩm quyền kiểm tra văn bản trong trường hợp không phải là cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

b) Sở Tư pháp phối hợp với các Sở, ban, ngành thực hiện tự kiểm tra văn bản QPPL của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khi nhận được phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

c) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã phân công cơ quan chuyên môn hoặc công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tự kiểm tra văn bản QPPL khi nhận được phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

3. Tự kiểm tra văn bản có dấu hiệu chứa QPPL; văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản QPPL

a) Cơ quan, đơn vị nhận được kiến nghị, phản ánh về văn bản có dấu hiệu chứa QPPL còn hiệu lực nhưng không được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản QPPL thực hiện ngay việc tự kiểm tra văn bản nếu văn bản có kiến nghị do chính cơ quan, thủ trưởng cơ quan mình ban hành hoặc tham mưu ban hành; thông báo kết quả cho cơ quan, tổ chức, công dân đã kiến nghị, phản ánh.

Trường hợp văn bản không thuộc thẩm quyền hoặc đã tự kiểm tra, xử lý nhưng cơ quan, tổ chức, công dân đã kiến nghị không nhất trí, thì hướng dẫn cơ quan, tổ chức, công dân phản ánh, kiến nghị đến cơ quan đã ban hành văn bản hoặc cơ quan cấp trên.

b) Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiến hành tự kiểm tra văn bản còn hiệu lực nhưng có dấu hiệu chứa QPPL không được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục; hoặc văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản QPPL theo yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền.

Việc tự kiểm tra được tiến hành ngay khi nhận được yêu cầu hoặc theo chỉ đạo và báo cáo kết quả kịp thời cho cơ quan, người đã yêu cầu, chỉ đạo.

4. Kiểm tra văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực

a) Các Sở, ban, ngành chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tự kiểm tra văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình khi nhận được yêu cầu kiểm tra văn bản của bộ, ngành ở Trung ương.

b) Sở Tư pháp phối hợp với các Sở, ban, ngành thực hiện tự kiểm tra văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực khi nhận được yêu cầu.

c) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã phân công cơ quan chuyên môn hoặc công chức thực hiện tự kiểm tra văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực.

Điều 8. Thực hiện công tác kiểm tra văn bản theo thẩm quyền

1. Kiểm tra văn bản QPPL

a) Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện kiểm tra văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

Việc kiểm tra văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP. Trường hợp phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, Sở Tư pháp lập hồ sơ kiểm tra văn bản theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

b) Các Sở, ban, ngành có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện kiểm tra văn bản thuộc phạm vi quản lý của mình khi nhận được yêu cầu.

c) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp văn bản, thông tin, tài liệu cần thiết; giải trình về nội dung văn bản theo yêu cầu của Sở Tư pháp.

2. Kiểm tra văn bản có dấu hiệu chứa QPPL; văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản QPPL

a) Việc kiểm tra văn bản có dấu hiệu chứa QPPL, văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản QPPL được thực hiện khi phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thuộc thẩm quyền kiểm tra; khi có kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật hoặc theo yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền.

b) Sở Tư pháp chủ trì thực hiện kiểm tra văn bản có dấu hiệu chứa QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản QPPL đối với văn bản QPPL do chính quyền địa phương cấp xã ban hành.

c) Các cơ quan, đơn vị cấp xã có văn bản được kiểm tra cung cấp văn bản, thông tin, tài liệu cần thiết; giải trình về nội dung văn bản theo yêu cầu của Sở Tư pháp.

d) Các Sở, ban, ngành có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện kiểm tra văn bản có dấu hiệu chứa QPPL, văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản pháp luật của cấp xã khi có yêu cầu.

3. Kết luận kiểm tra văn bản trái pháp luật

a) Khi phát hiện văn bản trái pháp luật, Sở Tư pháp ban hành kết luận kiểm tra theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

b) Kết luận kiểm tra văn bản trái pháp luật được gửi đến cơ quan đã ban hành văn bản đề thực hiện xử lý; đồng thời được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có văn bản được kiểm tra đối với văn bản QPPL; gửi đến Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã đối với văn bản có dấu hiệu chứa QPPL và văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản QPPL.

Điều 9. Công tác xử lý văn bản trái pháp luật

1. Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện thông qua công tác tự kiểm tra

a) Khi phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, cơ quan tự kiểm tra báo cáo ngay kết quả với cơ quan đã ban hành văn bản đó để xem xét, xử lý theo quy định; phối hợp với cơ quan đã chủ trì xây dựng văn bản thống nhất về nội dung, biện pháp xử lý, thời hạn xử lý văn bản trái pháp luật.

Cơ quan tự kiểm tra văn bản lập hồ sơ kiểm tra đối với văn bản trái pháp luật theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản trái pháp luật có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan thực hiện việc kiểm tra văn bản đề xuất hướng xử lý, thời hạn xử lý, biện pháp khắc phục hậu quả do văn bản gây ra (nếu có).

c) Cơ quan ban hành văn bản xem xét báo cáo kết quả kiểm tra văn bản; tổ chức xử lý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả tự kiểm tra, nếu văn bản trái pháp luật; xem xét, xác định và xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc tham mưu, trình, ban hành văn bản trái pháp luật theo quy định.

Thực hiện công bố văn bản xử lý văn bản trái pháp luật theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

2. Xử lý văn bản trái pháp luật khi có kết luận của bộ, ngành ở Trung ương

a) Cơ quan chủ trì xây dựng văn bản phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan tham mưu xử lý đối với văn bản trái pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý được giao khi nhận được kết luận kiểm tra của các bộ, ngành.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được kết luận kiểm tra, cơ quan, đơn vị đã chủ trì xây dựng văn bản trình cơ quan có thẩm quyền để xử lý và báo cáo kết quả thực hiện cho bộ, ngành đã ban hành kết luận kiểm tra. Trường hợp kiến nghị, báo cáo xem xét lại kết luận kiểm tra thì thời hạn xử lý thực hiện theo khoản 2 Điều 26 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

c) Đối với kết luận kiểm tra văn bản QPPL, trường hợp có căn cứ chứng minh văn bản không trái pháp luật, các cơ quan, đơn vị đã chủ trì xây dựng văn bản tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố kiến nghị về nội dung trong kết luận kiểm tra đến cơ quan, người ban hành kết luận trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết luận kiểm tra.

d) Trường hợp bộ, ngành không chấp nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Thủ tướng Chính phủ để xử lý theo thẩm quyền thì các cơ quan tham mưu ban hành văn bản có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét theo quy định.

3. Xử lý văn bản trái pháp luật của cấp xã khi có kết luận văn bản trái pháp luật của Sở Tư pháp

a) Khi nhận được Kết luận kiểm tra văn bản trái pháp luật của Sở Tư pháp, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản ở cấp xã phải thực hiện xử lý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được kết luận kiểm tra. Hình thức xử lý được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

b) Trường hợp cơ quan, người đã ban hành văn bản trái pháp luật không xử lý theo quy định hoặc Sở Tư pháp không thống nhất với kết quả xử lý thì Sở Tư pháp đôn đốc cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định; Giám đốc Sở Tư pháp kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xử lý theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

4. Các cơ quan, tổ chức tham mưu xử lý văn bản trái pháp luật tham mưu công bố văn bản xử lý văn bản trái pháp luật theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Điều 10. Thực hiện chế độ báo cáo trong công tác kiểm tra văn bản

1. Báo cáo hàng năm

a) Sở Tư pháp chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng báo cáo hàng năm về công tác kiểm tra văn bản gửi Bộ Tư pháp tổng hợp.

b) Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gửi báo cáo công tác kiểm tra văn bản về Sở Tư pháp trước ngày 15/12 hàng năm để tổng hợp, theo dõi.

2. Báo cáo thống kê

Sở Tư pháp có trách nhiệm thực hiện báo cáo thống kê công tác kiểm tra văn bản gửi Bộ Tư pháp theo quy định tại Thông tư số 17/2025/TT-BTP quy định chế độ báo cáo thống kê ngành tư pháp.

Chương III

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 11. Thực hiện rà soát văn bản khi có căn cứ rà soát

1. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì xây dựng văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

a) Thường xuyên theo dõi tình hình triển khai, thực hiện các văn bản QPPL hiện hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố, Sở Tư pháp, và các cơ quan liên quan tiến hành rà soát văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao theo quy định tại Điều 39, Điều 40, Điều 41 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

c) Thực hiện lấy ý kiến đối với kết quả rà soát theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

d) Kiến nghị xử lý đối với văn bản rà soát phát hiện trái pháp luật tại thời điểm ban hành.

e) Trường hợp có sự chuyển giao chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị thì cơ quan, đơn vị tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được chuyển giao.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Phối hợp với cơ quan chủ trì xây dựng văn bản thực hiện rà soát văn bản của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Trên cơ sở đề nghị của cơ quan rà soát, Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản đối với kết quả rà soát.

3. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chỉ đạo phòng chuyên môn hoặc tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan của Hội đồng nhân dân và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cùng cấp có nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của cơ quan, tổ chức mình.

b) Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các tổ chức, đơn vị, cá nhân thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Trường hợp giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính các xã, phường thì Ủy ban nhân dân của xã, phường mới có trách nhiệm rà soát văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính trước đó ban hành.

Điều 12. Thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn

1. Lập kế hoạch rà soát

a) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác hoặc công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp lập, tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát văn bản điều chỉnh những nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của mình.

Kế hoạch rà soát phải đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

b) Trường hợp các cơ quan thực hiện rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền thì không cần lập kế hoạch rà soát.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát

a) Cơ quan chủ trì có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện việc thu thập, rà soát đối với các văn bản trong phạm vi kế hoạch theo văn bản là căn cứ rà soát hoặc rà soát theo tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Điều 39, Điều 40 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

- Xây dựng Báo cáo và các Danh mục rà soát theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

- Gửi lấy ý kiến của Sở Tư pháp đối với kết quả rà soát văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan liên quan (nếu có). Nội dung lấy ý kiến phải thể hiện chi tiết cơ sở pháp lý kết quả rà soát đối với từng văn bản được rà soát.

- Hoàn thiện hồ sơ rà soát và trình cơ quan, người có thẩm quyền cùng cấp công bố kết quả rà soát

b) Trên cơ sở đề nghị của cơ quan rà soát, Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản đối với kết quả rà soát; trong đó nêu rõ nội dung nhất trí, nội dung không nhất trí và lý do hoặc ý kiến khác đối với kết quả rà soát.

c) Cơ quan liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản đối với nội dung liên quan đến lĩnh vực chuyên môn theo đề nghị của cơ quan chủ trì rà soát.

Điều 13. Thực hiện Kế hoạch tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật; Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn của cơ quan Trung ương

1. Thực hiện Kế hoạch tổng rà soát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với văn bản QPPL trên địa bàn thành phố

Sở Tư pháp có trách nhiệm làm đầu mối, giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Kế hoạch tổng rà soát văn bản QPPL trên địa bàn thành phố.

Các Sở, ban, ngành tổ chức thực hiện Kế hoạch tổng rà soát văn bản QPPL thuộc Sở, ban, ngành tham mưu; Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện Kế hoạch tổng rà soát văn bản QPPL của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành.

2. Thực hiện Kế hoạch rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Kế hoạch.

Điều 14. Trách nhiệm phối hợp trong công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực hàng năm

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu công tác lập danh mục

a) Theo dõi, thống kê, lập hồ sơ công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của năm, văn bản hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực của kỳ công bố trước nhưng chưa được công bố (nếu có). Danh mục văn bản hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực được lập theo mẫu số 01, mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

b) Gửi lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan và hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan.

c) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực của năm chậm nhất là ngày 25/01 hàng năm.

2. Trách nhiệm của cơ quan liên quan

a) Theo dõi, thống kê đầy đủ các văn bản QPPL hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực trong năm liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan mình.

b) Có ý kiến bằng văn bản trong thời hạn yêu cầu thể hiện rõ nội dung nhất trí, không nhất trí đối với danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực khi được lấy ý kiến.

Điều 15. Thực hiện xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật

1. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì rà soát văn bản

a) Trường hợp văn bản QPPL được rà soát cần phải xử lý theo các hình thức quy định tại Điều 38 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, các cơ quan, chủ trì rà soát báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp về kết quả rà soát văn bản.

b) Phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu cơ quan, người có thẩm quyền xử lý các văn bản sau rà soát.

c) Trường hợp văn bản QPPL được rà soát hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực, cơ quan rà soát phải tổng hợp, gửi Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân thành phố công bố Danh mục văn bản hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực hàng năm.

Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo và thực hiện công bố Danh mục văn bản hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực hàng năm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu công tác rà soát, xử lý văn bản

a) Phối hợp với cơ quan chủ trì rà soát tham mưu cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện xử lý văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL.

b) Tổng hợp danh mục hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực trình Ủy ban nhân dân cùng cấp công bố theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Điều 16. Thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tập hợp các văn bản QPPL cùng cấp trong lĩnh vực quản lý thuộc đối tượng hệ thống hóa; tiến hành rà soát và lập danh mục văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 51 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP

Kết quả hệ thống hóa của Sở, ban, ngành được gửi về Sở Tư pháp tổng hợp.

2. Sở Tư pháp tổng hợp, kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa của các cơ quan, lập Danh mục văn bản, trình Ủy ban nhân dân thành phố công bố kết quả hệ thống hóa theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Sở Tư pháp thực hiện đăng tải Quyết định công bố kết quả hệ thống hóa văn bản của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện đăng tải Danh mục văn bản hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực của thành phố và cấp xã trên Công báo điện tử thành phố.

Điều 17. Thực hiện chế độ báo cáo trong công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Báo cáo hàng năm

a) Sở Tư pháp chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng báo cáo hàng năm về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL gửi Bộ Tư pháp tổng hợp.

b) Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gửi báo cáo công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản về Sở Tư pháp trước ngày 15/12 hàng năm để tổng hợp, theo dõi. Nội dung cơ bản của Báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

2. Báo cáo thống kê

a) Sở Tư pháp có trách nhiệm thực hiện báo cáo thống kê công tác rà soát văn bản QPPL trên địa bàn thành phố gửi Bộ Tư pháp theo quy định tại Thông tư số 17/2025/TT-BTP.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện báo cáo thống kê công tác rà soát văn bản QPPL trên địa bàn xã theo quy định tại Thông tư số 17/2025/TT-BTP.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL của cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

2. Việc lập dự toán, quản lý, thanh toán và quyết toán kinh phí được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 19. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện; theo dõi, đôn đốc, đánh giá việc thực hiện Quy chế này.

b) Tham mưu, tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn thành phố.

c) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan cấp có thẩm quyền tham mưu báo cáo công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL trình Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo theo quy định.

2. Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở dự toán kinh phí của các Sở, ban, ngành căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước của thành phố; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí, cấp kinh phí đảm bảo cho hoạt động quản lý nhà nước trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các Sở, ban, ngành

a) Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chủ trì, phối hợp trong các lĩnh vực kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL tại chương II, chương III Quy chế này.

b) Hàng năm lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL gửi Sở Tài chính thẩm định theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa QPPL tại chương II, chương III Quy chế này.

b) Kịp thời bố trí ngân sách đảm bảo kinh phí cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh thì các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định.